

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ việc hôn nhân gia đình thụ lý số 151/2017/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2017, giữa:

- Người yêu cầu: ông Phạm C. Sinh năm: 1965 và bà Nguyễn Thị Bích T. Sinh năm: 1972. Cùng trú tại: số nhà 199/14 Ngô Quyền, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng.

Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 9 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 9 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa ông Phạm C và bà Nguyễn Thị Bích T (giấy chứng nhận kết hôn số 59/2012, quyển số 14, ngày 07/7/1999 tại Ủy ban nhân dân phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng).

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Về quan hệ hôn nhân: ông Phạm C và bà Nguyễn Thị Bích T thống nhất thuận tình ly hôn.

* Về nuôi con: ông Phạm C và bà Nguyễn Thị Bích T đều xác định vợ chồng có 02 con chung là Phạm Thảo U, sinh ngày 15.8.2000 và Phạm Thanh Gia H, sinh ngày 15. 10. 2008. Khi ly hôn, ông bà thống nhất giao 02 con chung cho bà Nguyễn Thị

Bích T trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Phạm C cấp dưỡng nuôi hai con mỗi tháng 1000.000đ (500.000đ/1con) cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Thời gian cấp dưỡng nuôi con vào ngày 15 hàng tháng, bắt đầu từ ngày 15 tháng 10 năm 2017.

Bên không trực tiếp nuôi con vẫn được thực hiện mọi quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được cản trở. Khi cần thiết vì lợi ích của con chung, các bên đều có quyền yêu cầu giải quyết về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

* Về tài sản chung: ông Phạm C và bà Nguyễn Thị Bích T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Về nợ chung: ông Phạm C và bà Nguyễn Thị Bích T xác định không có.

* Lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng ông Phạm C và bà Nguyễn Thị Bích T phải chịu, được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng ông Phạm C và bà Nguyễn Thị Bích T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S, Tp. Đà Nẵng theo biên lai số 01898 ngày 06.9.2017.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận S;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận S;
- Ủy ban nhân dân phường T;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN
(Đã ký)

Võ Thị Phước Hòa

